TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Trí;

2. Ông Trương Phước Công.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 366/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1994; địa chỉ: số E, tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Bị đơn: Ông Trương Văn V, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày,* bà M và ông Trương Văn V tự quen biết rồi kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang, vào ngày 06/10/2015. Trong thời gian chung sống,

vợ chồng có sinh được 01 con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2016. Bà M, ông V chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông V không chăm lo kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con, chơi cờ bạc dẫn tới nợ nần. Bà M và ông V không còn sống chung từ giữa năm 2023 cho đến nay. Cháu N đang được bà M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông V; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Bản sao Trích lục kết hôn số 516/TLKH-BS ngày 12/11/2019 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Trương Văn V (đăng ký số 124, ngày 06/10/2015); Giấy khai sinh số 93 ngày 16/5/2016 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp đối với Trương Nguyễn Quỳnh N (bản sao).

- Bị đơn ông Trương Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà M và ông V kết hôn, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông V hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông V không chăm lo kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con và tham gia cờ bạc dẫn tới nợ nần. Bà M và ông V không còn sống chung. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà M yêu cầu ly hôn với ông V.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông V xuất phát từ việc ông V tham gia đánh bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo kinh tế gia đình. Từ khi bà M khởi kiện cho đến nay, ông V không có ý kiến phản hồi. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà M yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu N cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà M không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, do bà M không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông V; bà M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh N; ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Trúc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn V. Đồng thời, ông V cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trương Văn V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà M và ông V tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà M xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông V không chăm lo kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con và chơi cờ bạc dẫn tới nợ nần. Bà M và ông V đã không còn sống chung từ giữa năm 2023 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà M và ông V thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ giữa năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt

hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông V nhưng ông V không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà M. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà M, ông V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà M xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2016. Bà M yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà M chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến ngày 12/4/2024 do cán bộ Tòa án lập, cháu N có nguyện vọng được sống cùng bà M trong trường hợp bà M, ông V ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà M không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Trương Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 124, ngày 06/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Trương Văn V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Trúc M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/5/2016. Ông Trương Văn V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị Trúc M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Văn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Trúc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015118 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 29 tháng 02 năm 2024; bà Nguyễn Thị Trúc M đã nộp đủ án phí.

Ông Trương Văn V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Trúc M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trương Văn V được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình